TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.
2. Ông Trần Sĩ Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1977. *(Có mặt)*
Địa chỉ: Khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh L**, sinh năm 1978. *(Có yêu cầu vắng mặt)*
Địa chỉ: Khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày:

Năm 1998, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Huỳnh Thanh L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc vào ngày 02/8/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế, anh L không quan tâm đến gia đình, chị có khuyên can nhưng anh L không sửa đổi. Chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không có kết

quả, vợ chồng thường hay cãi nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Lê Nhựt P (nam, sinh ngày 10/3/1999) và Huỳnh Lê Thảo N (nữ, sinh ngày 08/5/2011). Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phong đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019, bị đơn anh Huỳnh Thanh L trình bày:

Anh thống nhất ý kiến với phần trình bày của chị Lê Thị Bích T về quá trình hôn nhân của anh và chị T. Anh và chị T tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc. Quá trình chung sống, anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không lớn nhưng do chị T cương quyết ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Lê Nhựt P (nam, sinh ngày 10/3/1999) và Huỳnh Lê Thảo N (nữ, sinh ngày 08/5/2011). Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án , Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Huỳnh Thanh L để tham gia tố tụng tại Tòa án. Do anh L có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, do đó, Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh L. Đồng thời, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có. Về nợ chung tự thỏa thuận.

- Bị đơn anh Huỳnh Thanh L có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Tòa án đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công có

tiến hành các thủ tục luật định. Do bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Bích T và anh Huỳnh Thanh L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị T khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh L có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 1998, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.Tại phiên tòa, chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, do anh L không quan tâm gia đình, vợ chồng bất hòa về tình cảm và kinh tế. Chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, chị và anh L đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về phía anh L, theo Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019, anh L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, nay anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh L cũng xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Lê Nhựt P (nam, sinh ngày 10/3/1999) và Huỳnh Lê Thảo N (nữ, sinh ngày 08/5/2011). Cháu P đã trưởng thành nên chị T, anh L không yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Đồng thời, chị T và anh L cùng có yêu cầu nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị T và anh L còn chung sống cũng như khi vợ chồng ly thân, cháu N được chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ngoài ra hiện nay cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung

với chị T. Do đó, nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của trẻ cũng như tránh việc xáo trộn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu N, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

Mặc dù anh L không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh L quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh L cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Huỳnh Thanh L.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Lê Thảo N (nữ, sinh ngày 08/5/2011) cho chị T nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Đối với Huỳnh Lê Nhựt P (nam, sinh ngày 10/3/1999) đã trưởng thành nên không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích T phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 005671 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí (công nhận chị T đã nộp án phí xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P.Trường Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế